|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬT SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**DỰ THẢO**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BCT ngày tháng năm 2024*

*của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Luật số:  | *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*  |

 **Luật Sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định các hoạt động sản xuất các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động sản xuất các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1*.**Công nghiệp trọng điểm* là các ngành sản xuất các sản phẩm sau đây:

a) Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong các ngành: dệt may, da – giày, điện – điện tử, cơ khí, sản xuất lắp ráp ô tô; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghệ cao;

b) Sản phẩm cơ khí trọng điểm: ô tô, tàu biển, thiết bị điện, thiết bị giao thông đường bộ và đường sắt;

c) Thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thế hệ mới;

d) Vật liệu mới;

đ) Sản phẩm, thiết bị năng lượng mới.

2. *Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam* là chương trình do Thủ tướng Chính phủ ban hành nhằm xác định quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm trên phạm vi toàn quốc trong từng thời kỳ và tổ chức sử dụng các nguồn lực của đất nước từ Trung ương đến địa phương để bảo đảm thực hiện các quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của quốc gia.

3. *Sản phẩm công nghiệp trọng điểm* là các sản phẩm công nghiệp có tiềm năng thị trường, có sức cạnh tranh trong và ngoài nước, có công nghệ tiên tiến, mang tính động lực, lan tỏa cao thúc đẩy các ngành sản xuất khác, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo năng lực sản xuất và môi trường bền vững; tạo ra mức tăng trưởng cao, ổn định; hoặc thuộc nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng GDP.

Danh mục sản phẩm công nghiệp trọng điểm được ban hành kèm theo Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo nhiệm vụ tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. *Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ* là nguyên liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

5. *Doanh nghiệp dẫn đầu* là doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có đóng góp đáng kể trong nền kinh tế quốc dân hoặc kim ngạch xuất khẩu của quốc gia, có tiềm năng phát triển và mở rộng thương hiệu ra thị trường quốc tế.

6. *Giá trị sản xuất trong nước* là chỉ tiêu phản ánh giá trị thị trường của toàn bộ hàng hóa, dịch vụ và nguyên liệu sản xuất đầu vào được tạo ra bởi doanh nghiệp trên giá trị thị trường của sản phẩm đầu ra cuối cùng.

…

**Điều 4. Nguyên tắc áp dụng luật**

1. Hoạt động phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật Sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm với quy định của Luật khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật này đối với các nội dung sau đây:

a) Quy định về hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với các dự án công nghiệp trọng điểm;

b) Chính sách đặc biệt trong phát triển công nghiệp trọng điểm;

c) Phát triển các doanh nghiệp dẫn đầu;

d) Phát triển thị trường cho các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm có hiệu lực cần quy định đặc thù về phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm khác với quy định của Luật này thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm và nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

4. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Ban hành, triển khai các chính sách, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc hạn chế đầu tư trái với định hướng phát triển công nghiệp của Đảng và Nhà nước, trái với các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp của Chính phủ.

2. Lợi dụng hoạt động phát triển công nghiệp gây phương hại đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Thực hiện hoạt động phát triển công nghiệp gây hậu quả xấu đến sức khỏe, tính mạng con người, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc; hủy hoại môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

4. Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp.

5. Tiết lộ, cung cấp trái pháp luật bí mật về công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp.

6. Giả mạo, gian dối để được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước trong hoạt động phát triển công nghiệp.

7. Cản trở trái pháp luật hoạt động phát triển công nghiệp.

**Chương II**

**KHUYẾN KHÍCH SẢN XUẤT, CHẾ TẠO TRONG NƯỚC CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**Mục 1**

**ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT TRONG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**Điều 6. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt cho các dự án công nghiệp trọng điểm**

1. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt hướng tới việc thu hút có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

2. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng. Việc áp dụng ưu đãi đầu tư trên cơ sở nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi và cơ chế hậu kiểm. Trong trường hợp không thực hiện đúng các cam kết và điều kiện hưởng ưu đãi thì doanh nghiệp phải bồi hoàn ưu đãi đã được hưởng.

...

**Điều 7. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt**

Ưu đãi đầu tư đặc biệt được áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện sau:

1. Thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam, với tỷ lệ vốn góp của doanh nghiệp Việt Nam chiếm ít nhất 50% (đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

b) Nâng cao tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm công nghiệp trọng điểm tại Việt Nam; tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thực hiện tại Việt Nam;

c) Bảo đảm gia tăng số lượng doanh nghiệp Việt Nam thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án;

d) Nâng cao giá trị sản xuất tại Việt Nam của dự án;

đ) Cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển cho doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp Việt Nam trong liên doanh hoặc nhà cung cấp cấp 1.

…

**Điều 8. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt cho các dự án công nghiệp trọng điểm**

1. Đối tượng quy định tại Điều 31 Luật này được hưởng các ưu đãi đầu tư cao nhất theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng trong các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm.

...

3. Nội dung hỗ trợ đầu tư đặc biệt cho các dự án công nghiệp trọng điểm:

 a) Ngân sách nhà nước trực tiếp hỗ trợ kinh phí đầu tư cho doanh nghiệp;

 b) Hỗ trợ chi phí đầu vào hoặc bù giá sản phẩm cho doanh nghiệp trong thời hạn nhất định;

 c) Nhà nước tiến hành đặt hàng, bao tiêu sản phẩm cho dự án trong thời hạn nhất định;

…

 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

 …

**Điều 9. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp gồm các dữ liệu sau:

a) Năng lực cạnh tranh công nghiệp quốc gia và cấp tỉnh;

b) Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng năm và 05 năm;

c) Sản lượng sản phẩm công nghiệp hàng năm và 05 năm;

d) Sản phẩm công nghiệp trong nước đã sản xuất được;

đ) Số liệu về doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp;

e) Số liệu về lao động trong các ngành công nghiệp;

f) Cơ cấu vốn đầu tư trong các ngành công nghiệp, gồm: vốn đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư trong nước, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư của khu vực kinh tế quốc doanh, vốn đầu tư của khu vực kinh tế dân doanh;

g) Cung cầu trong các ngành công nghiệp;

h) Số liệu về đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp công nghiệp;

i) Dữ liệu về cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm liên kết ngành công nghiệp;

k) Dữ liệu về liên kết vùng trong phát triển công nghiệp;

l) Các dữ liệu liên quan khác.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghiệp và bổ sung các thông tin từ cơ sở dữ liệu vào hệ thống thống kê quốc gia.

3. Chính phủ quy định chi tiết về cơ chế xây dựng, sử dụng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp.

...

**Điều 10. Chính sách đặc thù trong phát triển công nghiệp trọng điểm**

Trong trường hợp vì lý do liên quan đến an ninh quốc gia hoặc lợi ích cộng đồng, Thủ tướng Chính phủ được quyền ban hành các chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm, gồm:

- Trợ cấp; bảo lãnh Chính phủ.

- Bảo hộ thị trường trong nước.

- Đặt hàng sản xuất.

- Các biện pháp cần thiết khác.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

**Điều 11. Phát triển các doanh nghiệp dẫn đầu**

- Cơ chế đặt hàng các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

- Thúc đẩy liên doanh, liên kết với các hãng sản xuất toàn cầu sản xuất tại Việt Nam đi kèm với yêu cầu phát triển R&D và chuyển giao công nghệ.

- Cơ chế tích lũy quỹ đất đai để phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho sản xuất.

- Cơ chế thí điểm đặc thù trong giao đất và phân bổ tài nguyên cho các doanh nghiệp dẫn đầu.

- Cơ chế hỗ trợ mua bán, sáp nhập công nghệ quốc tế.

- Trách nhiệm của các doanh nghiệp dẫn đầu.

**Mục 2**

**PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHO CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**Điều 12. Mua sắm sản phẩm công nghiệp trọng điểm trong nước**

1. Khi tiến hành mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên, các cơ quan, đơn vị sau đây được áp dụng đấu thầu trong nước đối với các sản phẩm công nghiệp trọng điểm trong nước đã sản xuất được:

a) Cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương;

b) Tổ chức chính trị - xã hội;

c) Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập 100% ngân sách nhà nước;

đ) Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

e) Các cơ quan, đơn vị khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị tại khoản 1 Điều này vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng mà không tiến hành mua sắm sản phẩm công nghiệp trong nước đã sản xuất được cần có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia đang trong quá trình sản xuất thử nghiệm được Chính phủ bảo lãnh trong quá trình cung cấp sản phẩm lần đầu ra thị trường khi tham gia mua sắm theo quy định tại Điều này hoặc tham gia dự thầu theo quy định tại Điều 13 của Luật này.

**Điều 13. Bảo đảm dự thầu cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm**

1. Hoạt động lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, xây lắp trong các dự án đầu tư sau đây được áp dụng đấu thầu trong nước theo quy định của Luật Đấu thầu:

a) Dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập 100% ngân sách nhà nước;

b) Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

c) Dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án;

d) Dự án mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

đ) Dự án sử dụng vốn ODA;

e) Dự án đầu tư trong các lĩnh vực khoáng sản, năng lượng, hạ tầng mà theo quy định của pháp luật cần phải được chấp thuận hoặc cấp phép của cơ quan có thẩm quyền;

g) Dự án khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Về đấu thầu quốc tế:

a) Chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế trong trường hợp các sản phẩm công nghiệp trong nước cung cấp cho gói thầu không sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, giá cả hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (vốn ODA);

b) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế thì trong hồ sơ mời thầu cần quy định rõ: Nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

3. Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ quyết định thí điểm một số cơ chế về đấu thầu để bảo đảm sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước trong một số dự án lớn, gồm các cơ chế sau:

a) Phân chia gói thầu để bảo đảm dự thầu cho các doanh nghiệp trong nước;

b) Chỉ định liên danh gồm ít nhất 01 doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp, đơn vị nước ngoài thực hiện các gói thầu tư vấn, thiết kế, chế tạo các sản phẩm, thiết bị để cung cấp cho dự án.

4. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

**Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu**

1. Chủ đầu tư các dự án quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Luật này phải thành lập hệ thống cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi và xử lý đối với các công trình, máy móc, thiết bị phục vụ các dự án nêu trên.

2. Nghiêm cấm các chủ đầu tư, bên mời thầu khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu tự ý đưa ra các quy định, điều kiện, rào cản để hạn chế khả năng tham gia dự thầu của các doanh nghiệp công nghiệp trong nước.

...

**Mục 3**

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM**

**Điều 15. Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam**

1. Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam được ban hành theo từng thời kỳ 10 năm.

2. Căn cứ xây dựng Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam:

a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia;

b) Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Thực trạng và triển vọng phát triển của các ngành công nghiệp;

d) Kế hoạch phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

...

**Điều 16. Yêu cầu về nội dung Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam**

1. Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo tăng trưởng xanh trong phát triển công nghiệp; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội hóa trong phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

2. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành công nghiệp trọng điểm và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương trong phát triển công nghiệp.

3. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. Bảo đảm việc ứng dụng thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới, ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển công nghiệp.

...

**Điều 17. Nội dung Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam**

1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

2. Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

3. Danh mục sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

4. Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển và ứng dụng trong công nghiệp.

5. Danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm và thứ tự ưu tiên thực hiện.

6. Định hướng phân bố không gian phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

7. Các giải pháp triển khai thực hiện quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

8. Nguồn lực tài chính, tín dụng để thực hiện các mục tiêu phát triển công nghiệp trọng điểm.

9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam.

10. Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và nội dung chi tiết Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam.

...

**Điều 18. Trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm**

1. Chính phủ thống nhất tổ chức triển khai Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam và các chương trình phát triển công nghiệp cụ thể.

Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm bảo đảm cho các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp của Chính phủ được thực thi hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực của đất nước, đảm bảo các mục tiêu phát triển công nghiệp trong từng thời kỳ.

2. Chính phủ và chính quyền địa phương có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn kinh phí bảo đảm thực thi các chương trình phát triển công nghiệp trên cơ sở phân cấp ngân sách Trung ương và địa phương, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa.

...

**Điều 19. Trách nhiệm của chính quyền địa phương**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bố trí ngân sách, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác để bảo đảm thực thi Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam và các chương trình phát triển công nghiệp do Trung ương ban hành.

2. Ban hành và triển khai thực hiện chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp của địa phương đảm bảo phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Trung ương và lợi thế cạnh tranh của địa phương.

3. Ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực của địa phương để tập trung nguồn lực phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình và kết quả triển khai các chương trình phát triển công nghiệp do Trung ương ban hành.

...

**Điều 20. Giám sát thực thi Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam**

Việc giám sát thực thi Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam được đưa vào chương trình giám sát hàng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**CHƯƠNG III**

**PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ**

**Điều 21. Nguyên tắc phát triển công nghiệp hỗ trợ**

1. Các doanh nghiệp, dự án sản xuất sản phẩm sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cao nhất theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài các ưu đãi nêu trên, các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển còn được hưởng các hỗ trợ theo quy định của Luật này.

**Điều 22. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp hỗ trợ**

1. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực đang làm việc tại các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

2. Hỗ trợ liên kết tìm kiếm việc làm và xây dựng quá trình đào tạo liên kết với nhu cầu của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

3. Hỗ trợ tổ chức hợp tác giữa doanh nghiệp, hiệp hội – ngành hàng, viện nghiên cứu và trường học trong đào tạo nguồn nhân lực.

4. Hỗ trợ kết nối với các tổ chức nước ngoài trong đào tạo nguồn nhân lực.

5. Hỗ trợ đào tạo chuyên gia đánh giá độ tin cậy trong sản xuất công nghiệp hỗ trợ.

6. Hỗ trợ tổ chức các chương trình thu hút lao động kỹ thuật, chuyên gia nước ngoài trong các ngành công nghiệp; hỗ trợ thủ tục nhập cư, giấy phép lao động và trợ cấp chi phí phục vụ hoạt động của chuyên gia nước ngoài.

7. Các nội dung hỗ trợ khác.

...

**Điều 23. Nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển**

1. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được hưởng các tài trợ sau:

a) Được tài trợ kinh phí từ các chương trình phát triển khoa học và công nghệ, hỗ trợ từ các Quỹ, nguồn kinh phí khác dành cho nghiên cứu, phát triển và đào tạo;

b) Được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu và phát triển từ các chương trình phát triển khoa học và công nghệ đối với trường hợp tự đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao;

c) Được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí đối với dự án sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia.

2. Dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được hưởng các ưu đãi sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai; được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư trang thiết bị nghiên cứu từ các chương trình phát triển khoa học và công nghệ.

...

**Điều 24. Đổi mới quy trình sản xuất**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được hưởng các cơ chế hỗ trợ từ các chương trình phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các cơ chế hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được tài trợ như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí đối với các dự án, đề án hợp tác giữa doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị có công nghệ ứng dụng trong việc chuyển giao công nghệ;

b) Hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm;

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ;

d) Hỗ trợ doanh nghiệp mua bản quyền, sáng chế, phần mềm, sản phẩm thiết kế công nghiệp;

đ) Hỗ trợ doanh nghiệp thuê chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

e) Hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ;

g) Các nội dung hỗ trợ khác.

3. Căn cứ định hướng phát triển công nghiệp tại Chương trình quốc gia về Phát triển công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình đổi mới công nghệ quốc gia ứng dụng trong công nghiệp theo từng thời kỳ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, trong đó ưu tiên định hướng đổi mới, ứng dụng công nghệ để chế tạo, sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

...

**Điều 25. Cải tiến doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

Nhà nước thực hiện các dự án hỗ trợ cải tiến doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ gồm các nội dung sau:

1. Hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn.

2. Hỗ trợ cải tiến hiện trường.

3. Hỗ trợ cải tiến năng suất lao động, chuẩn hóa quy trình làm việc.

4. Hỗ trợ cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

5. Hỗ trợ cải tiến chất lượng dịch vụ.

6. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chương trình/hệ thống bảo đảm đo lường trong quá trình sản xuất.

7. Hỗ trợ xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong các ngành công nghiệp hỗ trợ.

8. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp ứng dụng, nghiên cứu, làm chủ công nghệ cao trong các ngành công nghiệp hỗ trợ.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ và sử dụng Quỹ này khi tham gia Chương trình quốc gia về Phát triển công nghiệp.

10. Các nội dung cải tiến doanh nghiệp khác.

...

**Điều 26. Xúc tiến, kết nối thị trường**

Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được:

1. Ưu tiên tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại.

2. Hỗ trợ một phần chi phí đăng ký thương hiệu, kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước và ngoài nước, kinh phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ các chương trình phát triển công nghiệp.

...

**Điều 27. Chính sách hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ**

1. Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được lựa chọn áp dụng một trong các hình thức hỗ trợ tín dụng sau đây:

a) Được nhà nước thực hiện cấp bù lãi suất thông qua hệ thống ngân hàng thương mại đối với các khoản vay trung và dài hạn của doanh nghiệp để đầu tư dự án sản xuất từ nguồn ngân sách Trung ương;

b) Được trực tiếp hỗ trợ lãi vay nhằm đầu tư các dự án sản xuất từ nguồn ngân sách địa phương;

c) Được hỗ trợ phát hành trái phiếu và hỗ trợ lãi suất trái phiếu theo từng dự án đầu tư.

2. Các doanh nghiệp có dự án thuộc Danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm tại Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam được thực hiện cấp bù lãi suất từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước hàng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tổ chức tín dụng có tỷ lệ cho vay trong lĩnh vực công nghiệp chiếm tỷ trọng cao được hưởng các ưu đãi sau:

a) Được ưu tiên tăng mức giới hạn cho vay;

b) Được ưu tiên cộng điểm đánh giá xếp hạng tổ chức tín dụng;

c) Được ưu tiên loại trừ hệ số rủi ro khi cho vay đối với một số lĩnh vực rủi ro theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

...

**Điều 28. Các nội dung hỗ trợ khác**

1. Xúc tiến thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi kỹ thuật số, phát triển giải pháp nhà máy thông minh vào quy trình sản xuất, hệ thống quản trị sản xuất và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý và sản xuất của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định, đo lường chất lượng, giám định và chứng nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện các hoạt động phổ biến thông tin, truyền thông về công nghiệp hỗ trợ.

5. Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức, quy trình, hệ thống đánh giá, công nhận trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

6. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ;

7. Hỗ trợ mua bán, sáp nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

8. Hình thành các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, tạo cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu.

9. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**Điều 29. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:**

- Thống nhất quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp.

- Ban hành Danh mục, cơ chế, chính sách đối với các ngành công nghiệp trọng điểm; công nghiệp hỗ trợ.

- Quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục và phê duyệt chủ trương đàm phán các ưu đãi đầu tư, ưu đãi khác đối với các dự án công nghiệp đặc biệt quan trọng.

- Ban hành theo thẩm quyền Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam;

- Ban hành theo thẩm quyền các Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam: Ứng dụng, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp trọng điểm; chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp; Đào tạo, đào tạo lại lao động phục vụ cho sản xuất tiên tiến, hiện đại…

- Thực hiện vai trò điều phối vùng trong phân bố, tái phân bố không gian công nghiệp;

- Quyết định lộ trình ứng dụng, đổi mới công nghệ; chuyển đổi số; xanh hóa các ngành công nghiệp.

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

- Đầu mối của Chính phủ trong điều phối các chính sách phát triển công nghiệp quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục các ngành công nghiệp trọng điểm; Danh mục công nghiệp phụ trợ; Chương trình quốc gia Sản xuất tại Việt Nam; chương trình chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp trọng điểm; các chương trình chuyển đổi năng lượng phát triển bền vững, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; quản lý, phát triển các cụm công nghiệp; an toàn trong sản xuất công nghiệp.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ.

**Điều 31. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

…

- Bộ Tài chính:

…

- Bộ Khoa học và công nghệ:

…

- Bộ Lao động, Thương binh và xã hội

…

- Bộ Thông tin và truyền thông

…

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

…

- Bộ Tài nguyên và môi trường

…

- Các Bộ, ngành quản lý các ngành công nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ

…

**Chương VIIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

-----------------------------------------------------------------------------------------

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm ...*